

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84 /2020/DS-PT

Ngày: 16/12/2020

V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng

Ông Lê Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân
tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Nguyễn Hùng Việt

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLPT-DS ngày 30
tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ
thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân
huyện S bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:
159/2020/QĐ-PT ngày 03/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Võ Thanh P, sinh năm 1972 và bà Nguyễn
Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Tân P, xã Suối B, huyện S, tỉnh Phú Yên.
Có mặt.

-Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Minh T1,
Luật sư thuộc Văn phòng luật sư số 01, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: 265
đường H, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1943 và bà Nguyễn
Thị C, sinh năm 1942; Địa chỉ: Thôn Tân P, xã Suối B, huyện S, tỉnh Phú Yên.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng V, sinh năm 1971; Địa chỉ:
Thôn Tân P, xã Suối B, huyện S, tỉnh Phú Yên. Ông V có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Tâm H,
Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H1, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Địa chỉ:
01/1A đường V, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã Suối B, huyện S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Tân P, xã Suối B, huyện S, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

3.3. Ông Nguyễn Hùng V, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Tân P, xã Suối B, huyện S, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

4. Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện S; Vắng mặt.

5. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S do ông Đặng Duy Ph là người đại diện. Có mặt.

6. Phòng kinh tế hạ tầng huyện S; Vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện S; Vắng mặt

8. Ủy ban nhân dân xã Sơn P, huyện S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị N.

Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 1996, gia đình tôi được Ủy ban nhân dân huyện S cấp 01 lô đất ở khu kinh tế mới nay thuộc thôn Tân P, xã Suối B, huyện S, tỉnh Phú Yên theo Quyết định số 65/QĐ-UB, ngày 15/02/1996 với diện tích 408m² (dài 34m, rộng 12m). Vợ chồng tôi đã xây dựng một căn nhà nhỏ để ở. Khi tôi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị thiếu diện tích đất phía sau do gia đình ông Nguyễn Thanh T lấn chiếm, do đó, tôi yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị C trả lại diện tích đất còn thiếu là 108m², trong đó đất ông T trực tiếp sử dụng là 38m², đất ông T làm đường đi nội đồng là 70m² (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2017).

Theo các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Nguyễn Hùng V trình bày:

Phần diện tích làm đường đi 70m² đã có trước đây, đã sử dụng lâu dài, ổn định. Phần 21m² trước chuồng bò và phần 17m² khu giếng nước đào trước năm 1995 cũng là đất của gia đình đã sử dụng lâu dài và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bị đơn không thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim O trình bày: Thống nhất ý kiến với ông Nguyễn Hùng V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Suối B, huyện S trình bày:

Vào ngày 01/7/1999, UBND xã Suối B được thành lập, tách ra từ UBND xã Sơn Ph, huyện S, tỉnh Phú Yên. Theo bản giao được nhận thì khu vực ngã tư Đá Bạc, xã Suối B hiện nay không có bản đồ quy hoạch đất ở, nhưng chỉ cấp đo vẽ theo trích lục và bản đồ đo giải thửa vào năm 1996. Căn cứ vào bản đồ thì giữa lô đất ở gia đình ông T và gia đình ông P có một con đường nội đồng rộng khoảng 4m kéo dài thẳng ra phía sau dài 50m. Việc xảy ra tranh chấp chúng tôi cũng đã hòa giải nhằm cho các bên thỏa thuận nhưng không được. Vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S trình bày:

Lô đất thổ cư cấp cho gia đình ông Võ Thanh P được cấp năm 1996 có trích lục lô đất kèm theo. Theo sơ đồ trích lục đất cấp cho gia đình ông P có diện tích $12 \times 34 = 408\text{m}^2$, theo trích lục sơ đồ đo vẽ thì không có con đường đi nội đồng liền kề với lô đất ông P được cấp. Theo bản đồ đo vẽ năm 2000 không thể hiện đường đi nội đồng. Hiện hai hộ đang tranh chấp thì Văn phòng có ý kiến là căn cứ vào trích lục thửa đất cấp cho ông P năm 1996 không có quy hoạch đường đi nội đồng thì cấp đủ diện tích, con đường hình thành đi trên đất ông P là không có cơ sở xem xét. Còn sơ đồ quy hoạch năm 1996 đơn vị không lưu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng kinh tế hạ tầng huyện S trình bày:

Tại thời điểm giao đất ở cho hai hộ gia đình ông P và ông T năm 1996 chưa có quy hoạch chi tiết khu vực tranh chấp này, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có quy hoạch chi tiết, căn cứ cấp 408m^2 cho gia đình ông P cũng không có quy hoạch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện S trình bày:

Theo Công văn số 231/UBND ngày 03/4/2018, UBND huyện S cho biết: Qua kiểm tra thực địa, xác định hiện trạng tuyến đường nội đồng đã biến động so với bản đồ giải thửa năm 1996, cụ thể trên tờ bản đồ số 47 thể hiện vị trí tuyến đường bắt đầu cong cách tim đường ĐH.52 chỉ còn 29,6m, (tương đương tuyến đường này đã dịch về phía trước 13m). Mặt khác, trên thửa đất số 51 của hộ ông T (thửa tiếp giáp với khu đất ở) có thể hiện đoạn cong của tuyến đường nội đồng đi qua và chỉ công nhận diện tích $2.575\text{m}^2/3.275\text{m}^2$ do trừ đi phần diện tích chiếm chỗ của tuyến đường nội đồng. Do đó, xác định tại thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ ông T vào năm 1996 đoạn đường cong của tuyến đường nội đồng đã tồn tại trên thửa số 51 nhưng thực tế hiện nay tại vị trí này đã dịch chuyển về phía trước 13m.

Từ những cơ sở trên, xác định trong quá trình sử dụng đất hộ ông T đã làm thay đổi diện tích sử dụng thửa đất số 51, tờ bản đồ 47 đo đạc năm 1996, dịch chuyển đường cong của tuyến đường nội đồng về phía trước 13m so với thời điểm giao đất dẫn đến toàn bộ diện tích của đoạn đường cong này nằm trên

thửa đất của hộ ông P. Đề nghị Tòa án buộc hộ ông T phải khôi phục lại vị trí tuyến đường nội đồng theo bản đồ giải thửa năm 1996.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 36 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 175, 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 100, 143, 166 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị N đòi ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C phải trả 108m² đất tại thôn Tân P, xã Suối B, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên chỉ đạo Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện S là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện S và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S làm việc trực tiếp với hộ gia đình ông Võ Thanh P, xem nguyện vọng như thế nào về việc cấp, đổi diện tích đất do bị cấp thiếu, hay cấp lại vị trí khác tương ứng cho hộ gia đình ông Võ Thanh P đúng theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định kháng nghị Pc thẩm số 03/QĐKNPT-P9 đối với Bản án sơ thẩm: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng Sửa Bản án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị C phải khôi phục lại vị trí của tuyến đường nội đồng đã được xác định theo tờ bản đồ số 47, bản đồ giải thửa 299/TTg đo đạc năm 1996 và trả lại cho hộ ông Võ Thanh P 108m² đất theo như kết quả Hội đồng xem xét thẩm định ngày 15/7/2017.

Tại phiên tòa Pc thẩm:

Nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Quyết định số 65/QĐ-UB, ngày 15/02/1996 đã giao cho nguyên đơn diện tích đất 408m² (dài 34m, rộng 12m), căn cứ kết quả đo đạc của cấp sơ thẩm, bị thiếu 108m² do bị đơn lấn chiếm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị C, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hùng V giữ nguyên trình bày. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở nguyên đơn chỉ được giao đất theo Quyết định (giao trên giấy), không được giao thực địa, thực tế sử dụng đất của nguyên đơn đã có ranh giới ổn định, thể

hiện bằng bờ đá hiện còn, con đường đi nội đồng, giếng nước của bị đơn đã có trước khi nguyên đơn được giao đất để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị Kim O, đại diện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S giữ nguyên trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX, Thẩm tra viên trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, kết quả đo đạc theo ranh giới hiện trạng thì diện tích ông P, bà N sử dụng là 425.8m², đo vẽ diện tích theo yêu cầu khởi kiện của ông P, bà N thì diện tích là 519,5m², thực tế sử dụng đất của ông P không bị thiếu như cấp sơ thẩm đã xác định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên rút Kháng nghị số 03/QĐKNPT-P9 ngày 08 tháng 8 năm 2018, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị N: Vợ chồng ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị N được UBND huyện S, tỉnh Phú Yên cấp thửa đất số 49, tờ bản đồ 47, diện tích 408m² (34mx12m), theo Quyết định số 65 ngày 15/02/1996 có giới cận: Đông giáp đường đi Suối B, Tây giáp đất sản xuất, Nam giáp nhà ông Th, Bắc giáp đất bà L. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đo đạc thực tế diện tích đất hiện tại của vợ chồng ông P, bà N sử dụng chỉ còn lại là: 300m², thiếu 108m². Với diện tích thiếu 108m² này, vợ chồng ông P, bà N cho rằng vợ chồng ông T, bà C lấn mở đường đi, xây dựng giếng nước nên yêu cầu ông T, bà C trả lại, còn vợ chồng ông T, bà C cho rằng diện tích thiếu 108m² là do Nhà nước giao đất cho vợ chồng ông P, bà N chỉ giao trên quyết định không có giao trên thực địa, không phù hợp với diện tích đất thực tế được sử dụng, con đường đi là của bà con đi lại, giếng nước xây dựng từ năm 1995 phục vụ cho gia đình và cho bà con trong xóm nên không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông P, bà N.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, đại diện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S cho rằng, cấp sơ thẩm đã đo diện tích đất tranh chấp theo quyết định giao đất là 12x34 nên xác định bị thiếu 108m², còn ông Võ Thanh P cho rằng, quá trình gia đình ông sử dụng đất sau khi được Nhà nước giao đã có sự xác định ranh giới với các hộ liền kề là hộ bà L và hộ ông T nên chiều dài mặt tiền lô đất phía đông 13,5m là đúng thực trạng sử dụng đất. Qua kiểm tra hình vẽ các thửa đất trong Quyết định giao đất số 65/QĐ-UB ngày 15/02/1996 không phù hợp trên thực tế, vì trên thực tế ranh giới đất của ông P, bà N với ông T, bà C có cách nhau một con đường đi. Mặt khác, tại Công văn

số 05/TNMT ngày 22/01/2018 của Phòng tài nguyên, môi trường thể hiện: Theo hồ sơ lưu trữ về cấp đất cho hộ ông P chỉ có quyết định giao đất, không có biên bản cắm mốc, biên bản giao nhận đất, bản đồ giải thửa 299/TTg đo vẽ năm 1996, tờ bản đồ số 47 chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đóng dấu. Như vậy, chứng minh rằng chỉ có thể hiện diện tích đất, vị trí đất trên quyết định chứ chưa giao đất thực tế, trong khi đó tại Điều 2 của Quyết định số 65/QĐ-UB ngày 15/02/1996 của UBND huyện S về việc giao đất cho vợ chồng ông Võ Thanh P đã ghi “Phải được Phòng địa chính chủ trì cắm mốc định vị ranh giới theo trích lục giao đất và cấp phép xây dựng”.

[3]Ngày 06 /6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tiến hành xem xét tại chỗ thấy rằng: Tại điểm cuối của diện tích 300m² đất ông P, bà N đang sử dụng có xây dựng một công trình vệ sinh. Như vậy, nếu ông P, bà N cho rằng đất thiếu 108m² là do ông T, bà C lấn chiếm mở đường đi, xây dựng giếng là không phù hợp thực tế. Tại biên bản làm việc với bà Đào Thị L (người có ranh giới đất tiếp giáp với đất ông P tại phía Bắc), bà L khẳng định: Tuy rằng, trong quyết định giao đất cho 03 hộ: Ông P, bà L, ông T thể hiện hình vẽ, diện tích là 34x12 nhưng đó chỉ là trên giấy, còn thực tế chỉ phù hợp như hiện nay là đúng, bà L chứng minh Giấy chứng nhận QSD đất của bà được cấp ngày 30/5/2005 chỉ có diện tích 326m². Ông T chứng minh Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông cũng chỉ có 360m² và tại Giấy chứng nhận QSD đất thể hiện con đường đi. Nếu ông P, bà N căn cứ diện tích là 34x12 thì bà L, ông T vẫn còn thiếu như ông P, bà N thì ai là người lấn chiếm. Đồng thời, ngày 18/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã trực tiếp làm việc với ông Trần Văn T (là thành viên trong Ban sức khỏe cộng đồng được UBND xã Suối B thành lập để tiến hành thực hiện chương trình chính phủ Hà Lan tài trợ cho dự án vệ sinh nông thôn), ông là người trực tiếp xây dựng công trình vệ sinh cho ông P, bà N, khi xây dựng chính ông P, bà N là người chỉ dẫn vị trí đất để xây và xây tại điểm cuối của thửa đất, hiện nay công trình vẫn tồn tại và ông T khẳng định vị trí đất ở đây không ai lấn chiếm như ông P, bà N trình bày, vì con đường đi có từ lâu, giếng nước cũng do ông xây dựng cho gia đình ông T, bà C từ năm 1995, tất cả bà con đều đi lại trên con đường này và sử dụng giếng nước có trước khi giao đất cho ông P, bà N.

[4]Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Bản trích đo diện tích đất tranh chấp ngày 08/9/2020, thấy rằng trên diện tích đất giao cho ông P, bà N hiện đang tồn tại bờ đá, tại phiên tòa, ông P cho rằng bờ đá do ông đắp thẳng theo bờ ranh nhưng quá trình sử dụng đất đã bị ông T dịch chuyển cong theo đường đất như hiện trạng nhưng ông P đang ở cạnh nhà của ông T (cách lô đất đang tranh chấp là nhà ông T) không phát hiện ra việc này là không có căn cứ. Kết quả đo đạc theo ranh giới hiện trạng thì diện tích ông P, bà N sử dụng (với chiều dài mặt tiền 13,5m) là 425.8m², đo vẽ diện tích theo yêu cầu khởi kiện của ông P, bà N thì diện tích là 519,5m², do đó, thực tế sử dụng đất của ông P không bị thiếu diện tích như cấp sơ thẩm đã xác định.

[5]Từ những căn cứ trên, thấy rằng việc kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã

rút Kháng nghị số 03/QĐKNPT-P9 ngày 08 tháng 8 năm 2018, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tuyên “Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh P Yên chỉ đạo Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện S là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện S và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S làm việc trực tiếp với hộ gia đình ông Võ Thanh P, xem nguyện vọng như thế nào về việc cấp, đổi diện tích đất do bị cấp thiếu, hay cấp lại vị trí khác tương ứng cho hộ gia đình ông Võ Thanh P đúng theo quy định của Luật đất đai” là không phù hợp.

[6] Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự P sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

Áp dụng các Điều 26, 36 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 175, 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 100, 143, 166 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị N đòi vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Ch phải trả 108m² đất tại thôn Tân P, xã Suối B, huyện S, tỉnh Phú Yên (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2017, ngày 08/9/2020 và kèm theo bản trích đo địa chính lập ngày 14/10/2020).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bị đơn vợ chồng ông P, bà N phải chịu 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng)(3.000.000đ cấp sơ thẩm, 11.000.000đ cấp phúc thẩm), Ông P, bà N đã nộp đủ.

Về án phí: Nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Ông P, bà N đã nộp đủ tại các biên lai số 0000901 ngày 22/3/2016 và Biên lai số 0009410 ngày 07/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện S (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện S;
- P.GĐKT;
- P.TCCB;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

Vũ Ngọc Hà